TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG
https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl
P-ISSN 3093-3196
E-ISSN 3093-3226

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH VIÊM DA TRÊN CHÓ VÀ HIỆU QUẢ HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ VIÊM DA CỦA LÁ SẦU ĐÂU (*Azadirachta indica*)

PREVALENCE OF DERMATITIS IN DOGS AND THE EFFICACY OF NEEM (Azadirachta indica) LEAF EXTRACT AS A SUPPORTIVE TREATMENT

Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Đặng Thị Mỹ Tú*
Trường Đại học Cửu Long
DOI: https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.1070 **Email: dangthimytu@mku.edu.vn*
Ngày nhận bài: 22/05/2026 *Ngày phản biện: 25/05/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11/2025 đến tháng 5/2026 tại Bệnh xá Thú y – Trường Đại học Cửu Long nhằm xác định tỷ lệ mắc bệnh viêm da trên chó và đánh giá hiệu quả hỗ trợ điều trị của lá sầu đâu (Azadirachta indica). Trong 120 chó được khảo sát, có 28 trường hợp mắc bệnh, chiếm tỷ lệ 23,33%. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang kết hợp theo dõi điều trị; 28 chó bệnh được chia ngẫu nhiên thành hai nhóm và theo dõi trong 14 ngày. Nhóm 1 được điều trị thông thường bằng kháng sinh, kháng viêm và sát khuẩn ngoài da; nhóm 2 được kết hợp thêm chế phẩm từ lá sầu đâu. Kết quả cho thấy vi khuẩn là tác nhân gây bệnh chủ yếu (32,14%). Tỷ lệ mắc bệnh khác biệt giữa các nhóm giống (P < 0,05), nhưng không khác biệt theo tuổi, giới tính và loại lông (P > 0,05). Nhóm sử dụng lá sầu đâu có thời gian cải thiện triệu chứng ngắn hơn nhóm đối chứng (6,7 so với 8,1 ngày; P < 0,05) và tỷ lệ khỏi bệnh cao hơn (78,57% so với 57,14%), tuy nhiên sự khác biệt về tỷ lệ khỏi bệnh chưa có ý nghĩa thống kê. Kết quả cho thấy lá sầu đâu có tiềm năng hỗ trợ điều trị viêm da trên chó, góp phần cải thiện triệu chứng và rút ngắn thời gian hồi phục.

Từ khóa: *Azadirachta indica, Viêm da trên chó, Hiệu quả điều trị.*

ABSTRACT

This study was conducted from November 2025 to May 2026 at the Veterinary Clinic – Cuu Long University to determine the prevalence of dermatitis in dogs and evaluate the supportive therapeutic effects of neem leaves (Azadirachta indica). Among 120 dogs examined, 28 cases of dermatitis were recorded, representing a prevalence of 23.33%. A cross-sectional descriptive study combined with treatment monitoring was conducted. The 28 affected dogs were randomly assigned to two groups and monitored for 14 days. Group 1 received conventional treatment with antibiotics, anti-inflammatory drugs, and topical antiseptics, whereas Group 2 received additional neem leaf preparations. Bacteria were the predominant causative agents (32.14%). Disease prevalence differed significantly among breed groups (P < 0.05), but not by age, sex, or coat type (P > 0.05). The neem-supplemented group showed faster clinical improvement than the control group (6.7 versus 8.1 days; P < 0.05) and a higher recovery rate (78.57% versus 57.14%); however, the difference in recovery rates was not statistically significant. These findings suggest that neem leaves may serve as a supportive treatment for canine dermatitis, improving clinical symptoms and shortening recovery time.

Keywords: *Azadirachta indica, Dermatitis in dogs, Treatment efficacy.*

MỞ ĐẦU

Tại việt nam, các nghiên cứu về ứng dụng lá sầu đâu (*Azadirachta indica*) trong thú y hiện còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở mức thử nghiệm in-vitro hoặc trên thủy sản. một số nghiên cứu cho thấy dịch chiết lá sầu đâu có khả năng kháng khuẩn đối với *Staphylococcus aureus* và nhiều vi khuẩn gây bệnh khác, đồng thời có tiềm năng kiểm soát ký sinh trùng ngoài da (Hoàng Thùy Dương và ctv., 2022; Phạm Trọng Vũ và ctv., 2018; Trương Thị Hoa và ctv., 2022). Ngoài ra, lá sầu đâu còn chứa các hợp chất phenolic và flavonoid có liên quan đến hoạt tính chống oxy hóa và kháng viêm. tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu các nghiên cứu in-vivo đánh giá hiệu quả và tính an toàn của lá sầu đâu trong điều trị bệnh trên thú y. do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung cơ sở khoa học về hiệu quả hỗ trợ điều trị viêm da trên chó của lá sầu đâu, đồng

thời góp phần hướng tới giải pháp giảm thiểu sử dụng kháng sinh trong thú y.

1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 5 năm 2026.

Các thí nghiệm được thực hiện tại Bệnh xá Trường Đại học Cửu Long.

Nội dung nghiên cứu bao gồm:

Về xác định tỷ lệ chó bị bệnh viêm da; Theo dõi hiệu quả hỗ trợ điều trị viêm da trên chó bằng lá sầu đâu.

Các thí nghiệm đều có sổ ghi chép, phiếu theo dõi bệnh da, máy chụp hình, dao, kéo, tông đơ cạo lông, nhiệt kế, bông gòn, găng tay,cồn 70°C.

2. Yêu cầu của nghiên cứu

(a) Tất cả chó đến khám tại Bệnh xá Thú y – Trường Đại học Cửu Long sẽ được tiến hành thu thập thông tin bệnh sử, khám lâm sàng và kiểm tra da, xác định chính xác tình trạng viêm da.

(b) Bao gồm những con chó được đưa đến khám tại Bệnh xá Thú y – Trường Đại học Cửu Long, có ngứa dữ dội, rụng lông từng mảng, viêm đỏ da, có vảy, mụn mủ hoặc tổn thương lở loét trên bề mặt da. Mỗi con chó được lập một bệnh án riêng. Việc chẩn đoán được thực hiện thông qua hỏi bệnh sử biểu hiện lâm sàng nghi ngờ viêm da như: từ chủ nuôi, khám lâm sàng trực tiếp, phát hiện *Staphylococcus* spp trên da thông qua sử dụng phết kính mẫu da soi kính hiển vi.

Về quy trình lấy mẫu bao gồm:

+ Hỏi bệnh sử: Ghi thông tin chủ nuôi (họ tên, địa chỉ, số điện thoại), thông tin về chó (tên, giống, giới tính, tuổi, màu lông, lịch tiêm phòng, tẩy giun, tiền sử bệnh trước đây).

+ Khám lâm sàng: Quan sát vùng da tổn thương, đánh giá mức độ rụng lông, mẩn đỏ, có mủ hoặc vảy, kiểm tra tình trạng ngứa, bứt rứt.

+ Cận lâm sàng: Lấy mẫu da (gãi vảy da, dịch mủ) và thực hiện soi tươi mẫu da dưới kính hiển vi để xác định nguyên nhân.

3. Phương pháp tiến hành

Chó bệnh sẽ được chia ngẫu nhiên thành 2 nhóm, theo dõi hiệu quả điều trị trong 14 ngày.

Bảng 1. Bố trí theo dõi hiệu quả điều trị

Phác đồ	Số lượng chó điều trị (con)	Thời gian theo dõi (ngày)
1	14	14
2	14	14

Để đánh giá hiệu quả hỗ trợ điều trị viêm da trên chó, các trường hợp bệnh được phân bố ngẫu nhiên vào hai nhóm điều trị với các phác đồ khác nhau. Trong đó, phác đồ 1 được xây dựng theo hướng điều trị thông thường với kháng sinh, kháng viêm và sát khuẩn ngoài da, trong khi phác đồ 2 kết hợp sử dụng các chế phẩm từ lá sầu đâu nhằm hỗ trợ cải thiện tình trạng tổn thương da.

Phác đồ đối chứng

Bảng 2. Phác đồ 1

Nội dung điều trị	Thuốc sử dụng	Liều dùng	Đường sử dụng
Kháng sinh	Cephalexin	20 mg/kg, 2 lần/ngày	Uống
Kháng viêm, giảm ngứa	Prednisolone	0,5 mg/kg, 1 lần/ngày	Uống
Sát khuẩn ngoài da	Chlorhexidine 0,05%	Tắm 2 lần/tuần	Ngoài da

Phác đồ kết hợp lá sầu đâu

Bảng 2. Phác đồ 2

Nội dung điều trị	Thuốc sử dụng	Liều dùng	Đường sử dụng
Thảo dược (tắm)	Nước sắc lá sầu đâu (*)	Tắm 2–3 lần/tuần	Ngoài da
Thảo dược (bôi)	Cao chiết lá sầu đâu 5% (*)	Ngày 2 lần	Bôi ngoài da
Hỗ trợ	Vitamin B1, B6, B12, C	Theo thể trạng	Uống/Tiêm

Quy trình chuẩn bị nước sắc lá sầu đâu

Lá sầu đâu được thu hái, cắt nhỏ và rửa sạch. Sau đó, lá được đun sôi trong khoảng 15–20 phút để thu được các hoạt chất. Dịch chiết sau đó

được lọc bỏ bã, pha loãng với nước và sử dụng để tắm cho chó.

Ngâm 100g lá sầu đâu trong 100ml cồn 90°C trong 24 giờ, sau đó chưng cách thủy với 100ml dầu dừa trong 3 tiếng thu được40ml tinh dầu sầu đâu. Tiếp theo, pha 5ml tinh dầu sầu đâu + 20g vaseline thành gel bôi ngoài da.

Đánh giá hiệu quả điều trị

Trong quá trình điều trị, hàng ngày sẽ theo dõi và ghi nhận:

Mức độ ngứa, gãi.

Tình trạng viêm đỏ, sưng nề, tiết dịch, mủ.

Tốc độ mọc lông trở lại.

Kết quả được phân loại theo 3 mức độ:

Khỏi bệnh: Không còn triệu chứng viêm da, lông mọc lại bình thường.

Thuyên giảm: Triệu chứng giảm rõ rệt nhưng còn ngứa nhẹ hoặc rụng lông ít.

Không khỏi: Triệu chứng không giảm hoặc tái phát nặng hơn.

Phương pháp xử lý thống kê

Các số liệu được xử lý sơ bộ bằng phần mềm Microsoft Excel, và xử lý thống kê bằng phần mềm Minitab version 16.0 với trắc nghiệm Chi – Square để so sánh tỷ lệ và One-way ANOVA để so sánh trung bình giữa các phác đồ; kiểm định Tukey dùng khi cần so sánh cặp.

4. Đánh giá kết quả tỷ lệ bệnh viêm da trên chó

Tỷ lệ chó bệnh viêm da

Qua thời gian tiến hành nghiên cứu, khảo sát được 120 ca chó đến khám và điều trị, trong đó chó bị bệnh viêm da là 28 ca bệnh cho thấy bệnh viêm da chiếm tỷ lệ (23,33%) tại Bệnh xá Thú y - Đại học Cửu Long. Tỷ lệ này cho thấy sự quan tâm, chăm sóc, vệ sinh và phòng bệnh của chủ nuôi còn khá chủ quan. Đồng thời với khí hậu nóng ẩm của nước ta là điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn, vi nấm và ngoại ký sinh phát triển mạnh và gây bệnh cho vật nuôi.

Qua khảo sát 120 số chó và ghi nhận có 28 ca bệnh viêm da trên chó được trình bày ở Bảng 3.1.

Bảng 4. Tỷ lệ chó bị viêm da được mang đến khám và điều trị tại bệnh xá Thú y Đại học Cửu Long

Chỉ tiêu	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Tổng số chó đến khám	120	100
Chó bị viêm da	28	23,33

Tỷ lệ viêm da ghi nhận trong nghiên cứu này là 23,33%, cao hơn kết quả của Nguyễn Thị Yến Mai (2022) tại Gia Lai nhưng tương đương với tỷ lệ 21,71% được báo cáo bởi Trương Đông Hào (2024). Sự khác biệt giữa các nghiên cứu có thể liên quan đến điều kiện khí hậu, phương thức nuôi dưỡng, điều kiện vệ sinh thú y và đối tượng khảo sát. Kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với nhận định của Scott et al. (2001) khi cho rằng các bệnh da là một trong những nhóm bệnh thường gặp nhất trên chó được đưa đến cơ sở thú y. Tương tự, Miller et al. (2013) ghi nhận bệnh da chiếm khoảng 15–25% tổng số ca khám tại nhiều phòng khám thú y trên thế giới. Sự tương đồng này cho thấy viêm da vẫn là một vấn đề sức khỏe quan trọng trên chó nuôi, đặc biệt tại các khu vực có khí hậu nóng ẩm như Việt Nam, nơi điều kiện môi trường thuận lợi cho sự phát triển của vi khuẩn, nấm và ngoại ký sinh.

Nguyên nhân gây bệnh viêm da trên chó tại Bệnh xá thú y – Đại học Cửu Long

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy viêm da do vi khuẩn chiếm tỷ lệ cao nhất (32,14%), tiếp theo là nấm da (25,00%), ngoại ký sinh (21,43%) và dị ứng hoặc các nguyên nhân khác (21,43%). Kết quả này cho thấy các tác nhân nhiễm trùng vẫn đóng vai trò quan trọng trong bệnh viêm da trên chó tại khu vực khảo sát.

Bảng 5. Các nguyên nhân gây viêm da trên chó (n=46)

Nguyên nhân	Số ca (con)	Tỷ lệ (%)
Viêm da do vi khuẩn (*Staphylococcus* spp.)	9	32,14
Nấm da	7	25,00
Ngoại ký sinh (*Demodex, Sarcoptes*,…)	6	21,43
Dị ứng/ các nguyên nhân khác	6	21,43
Tổng	28	100

Tỷ lệ viêm da do vi khuẩn cao nhất trong nghiên cứu phù hợp với nhận định của Bannoehr và Guardabassi (2012), khi *Staphylococcus*

pseudintermedius được ghi nhận là tác nhân thường gặp trong các trường hợp viêm da mủ trên chó. Tại Việt Nam, Nguyễn Thị Lan Anh (2024) cũng ghi nhận *Staphylococcus* spp. xuất hiện với tần suất cao trên chó mắc bệnh ngoài da. Điều này cho thấy nhiễm khuẩn cơ hội là yếu tố quan trọng trong sự hình thành và tiến triển của các tổn thương da.

Nguyên nhân do nấm da chiếm 25,00%, tương đồng với kết quả của Dworecka-Kaszak et al. (2020), trong đó các loài Microsporum canis và Trichophyton spp. được xác định là những tác nhân gây bệnh da phổ biến trên chó. Bên cạnh đó, ngoại ký sinh chiếm 21,43%, phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Hồ Bảo Trân và Nguyễn Hữu Hưng (2014), khi *Demodex canis* và *Sarcoptes scabiei* được ghi nhận là những nguyên nhân thường gặp gây bệnh ngoài da trên chó tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhóm dị ứng và các nguyên nhân khác chiếm 21,43%. Theo Olivry (2010), viêm da dị ứng là bệnh lý thường gặp trên chó và có liên quan đến nhiều yếu tố như di truyền, miễn dịch và môi trường sống. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy bệnh viêm da trên chó có nguyên nhân đa dạng, trong đó các tác nhân nhiễm trùng vẫn chiếm ưu thế trong điều kiện thực tế lâm sàng.

Kết quả chó bị viêm da theo lứa tuổi

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy tỷ lệ chó mắc viêm da ở nhóm dưới 1 năm tuổi (30,00%) cao hơn so với nhóm từ 1–3 năm tuổi (20,00%) và nhóm trên 3 năm tuổi (20,00%). Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê (P > 0,05), cho thấy chưa ghi nhận sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ mắc bệnh viêm da giữa các nhóm tuổi trong phạm vi khảo sát.

Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây khi không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ mắc bệnh ngoài da giữa các nhóm tuổi. Theo Scott et al. (2001), bệnh da trên chó có thể xuất hiện ở nhiều lứa tuổi khác nhau và không luôn thể hiện sự khác biệt rõ ràng giữa các nhóm tuổi trong điều kiện tự nhiên. Tương tự, một số nghiên cứu trong nước cũng cho thấy tỷ lệ mắc bệnh ngoài da có thể phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm tuổi (Nguyễn Hồ Bảo Trân và cs, 2014).

Bảng 6. Tỷ lệ chó bị viêm da theo lứa tuổi (n=28)

Lứa tuổi	Số ca khảo sát (con)	Số ca bệnh (con)	Tỷ lệ
< 1 năm	40	12	30,00
1 – 3 năm	45	9	20,00
> 3 năm	35	7	20,00
			P>0,421
Tổng	120	28	23,33

Các số liệu trong bảng chỉ phản ánh tỷ lệ mắc bệnh viêm da trong từng nhóm tuổi dựa trên tổng số chó khảo sát, do đó cho phép so sánh tỷ lệ giữa các nhóm. Tuy nhiên, do sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê, kết quả này chưa cho thấy mối liên quan giữa lứa tuổi và khả năng mắc bệnh viêm da.

Kết quả chó bị viêm da theo giới tính

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy tỷ lệ chó mắc viêm da ở chó cái (25,86%) cao hơn so với chó đực (20,97%).

Bảng 7. Tỷ lệ chó viêm da theo giới tính (n=28)

Giới tính	Số ca khảo sát (con)	Số ca bệnh (con)	Tỷ lệ
Đực	62	13	20,97
Cái	58	15	25,86
			P>0,512
Tổng	120	28	23,33

Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai nhóm không có ý nghĩa thống kê (P > 0,05), cho thấy chưa ghi nhận sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ mắc bệnh viêm da giữa hai giới tính trong phạm vi khảo sát. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây khi không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ mắc bệnh ngoài da giữa chó đực và chó cái. Theo Scott et al. (2001), các bệnh da trên chó có thể xuất hiện ở cả hai giới và không luôn thể hiện sự khác biệt rõ ràng về mặt phân bố. Tương tự, Nguyễn Hồ Bảo Trân và cs (2014) cũng cho thấy tỷ lệ mắc bệnh ngoài da giữa chó đực và chó cái không có sự khác biệt đáng kể trong điều kiện khảo sát tại Việt Nam. Các số liệu trong bảng phản ánh tỷ lệ mắc bệnh viêm da trong từng nhóm giới tính dựa trên tổng số chó khảo sát, cho phép so sánh giữa các nhóm. Tuy nhiên, do sự khác biệt không có

ý nghĩa thống kê, kết quả này chưa cho thấy mối liên quan giữa giới tính và khả năng mắc bệnh viêm da.

Kết quả chó bị viêm da theo giống

Kết quả ở Bảng 8 cho thấy tỷ lệ chó mắc viêm da ở chó nội (28,57%) cao hơn so với chó ngoại (16,00%), và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (P < 0.05). Điều này cho thấy có sự khác biệt về tỷ lệ mắc bệnh viêm da giữa hai nhóm giống trong phạm vi khảo sát.

Bảng 8. Tỷ lệ chó viêm da theo giống (n=28)

Giống	Số ca khảo sát (con)	Số ca bệnh (con)	Tỷ lệ
Chó nội	70	20	28,57
Chó ngoại	50	8	16,00
			P<0,048
Tổng	120	28	23,33

Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trước đây khi ghi nhận sự khác biệt về tỷ lệ mắc bệnh da giữa các nhóm giống chó. Theo Scott et al. (2001), bệnh da trên chó có thể phân bố khác nhau giữa các nhóm giống trong các điều kiện tự nhiên.

Trong điều kiện tại Việt Nam, Nguyễn Hồ Bảo Trân và cs (2014) ghi nhận tỷ lệ mắc bệnh ngoài da ở chó nội cao hơn so với chó ngoại trong các trường hợp được đưa đến cơ sở thú y. Các số liệu trong bảng phản ánh tỷ lệ mắc bệnh viêm da trong từng nhóm giống dựa trên tổng số chó khảo sát, cho phép so sánh giữa các nhóm. Với kết quả có ý nghĩa thống kê, có thể thấy sự phân bố bệnh viêm da giữa các nhóm giống có sự khác biệt trong phạm vi nghiên cứu.

Tuy nhiên, số liệu được thu thập tại thời điểm chó được đưa đến khám và điều trị, nên chủ yếu phản ánh tình trạng bệnh tại thời điểm khảo sát. Do đó, cần có thêm các nghiên cứu tiếp theo với thiết kế phù hợp hơn để đánh giá đầy đủ hơn mối liên quan giữa giống và bệnh viêm da trên chó.

Kết quả chó bị viêm da theo loại lông

Kết quả ở Bảng 9 cho thấy tỷ lệ chó mắc viêm da ở nhóm chó lông dài (29,09%) cao hơn so với nhóm chó lông ngắn (18,46%). Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai nhóm không có ý nghĩa thống kê (P > 0,05), cho thấy chưa ghi nhận sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ mắc bệnh viêm da giữa các nhóm loại lông trong phạm vi khảo sát.

Bảng 9. Tỷ lệ chó viêm da theo loại lông (n=28)

Loại lông	Số ca khảo sát (con)	Số ca bệnh (con)	Tỷ lệ
Lông dài	55	16	29,09
Lông ngắn	65	12	18,46
			P>0,167
Tổng	120	28	23,33

Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu gần đây khi không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ mắc bệnh da giữa các nhóm chó theo đặc điểm lông. Tương tự, Hensel et al. (2015) cũng ghi nhận rằng đặc điểm lông không phải lúc nào cũng liên quan có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ mắc bệnh da trong các nghiên cứu lâm sàng.

Kết quả cho thấy tỷ lệ mắc bệnh viêm da trong từng nhóm loại lông không có sự khác biệt (P > 0,05), do đó kết quả này chưa cho thấy mối liên quan giữa loại lông và khả năng mắc bệnh viêm da.

Kết quả tần suất xuất hiện các triệu chứng lâm sàng đặc trưng của bệnh viêm da trên chó

Kết quả ở Bảng 10 cho thấy các triệu chứng lâm sàng phổ biến trên chó mắc viêm da bao gồm ngứa (100%), rụng lông (89,29%), da đỏ (82,14%) và vảy da (75,00%). Các triệu chứng này xuất hiện với tần suất cao và được xem là những biểu hiện thường gặp trong các bệnh lý da trên chó trong điều kiện lâm sàng.

Bảng 10. Tần suất xuất hiện triệu chứng lâm sàng (n=28)

Triệu chứng	Số ca (con)	Tỷ lệ (%)
Ngứa	28	100
Rụng lông	25	89,29
Da đỏ	23	82,14
Vảy da	21	75,00
Mụn mủ	17	60,71
Loét da	12	42,86

Các kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu gần đây về bệnh da trên chó. Theo Hensel et al. (2015), ngứa là một trong những

dấu hiệu lâm sàng phổ biến nhất trong các bệnh da, đặc biệt là các bệnh viêm da có liên quan đến phản ứng viêm hoặc dị ứng. Tương tự, nghiên cứu của Miller et al. (2013) cũng ghi nhận các biểu hiện như rụng lông, ban đỏ và tăng sinh vảy là những dấu hiệu thường gặp trong các bệnh viêm da ở chó.

Ngoài ra, các tổn thương thứ phát như mụn mủ (60,71%) và loét da (42,86%) cũng được ghi nhận trong nghiên cứu. Một số tài liệu cho thấy các tổn thương này có thể xuất hiện trong quá trình tiến triển của bệnh da, đặc biệt khi có sự tham gia của nhiễm trùng thứ phát do vi khuẩn hoặc các yếu tố kích thích kéo dài (Moriello et al., 2017). Tuy nhiên, mức độ xuất hiện của các triệu chứng này có thể khác nhau tùy theo tình trạng bệnh và thời điểm khảo sát.

Các số liệu trong bảng cho thấy tần suất xuất hiện triệu chứng trên nhóm chó mắc bệnh tại thời điểm khám và điều trị. Do đó, các triệu chứng được ghi nhận chủ yếu thể hiện tình trạng lâm sàng tại thời điểm khảo sát, và chưa phản ánh đầy đủ diễn biến của bệnh theo thời gian. Một số nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh rằng biểu hiện lâm sàng của bệnh da có thể thay đổi theo giai đoạn bệnh và cần được theo dõi trong thời gian dài để đánh giá đầy đủ hơn (Olivry et al., 2015).

5. Đánh giá kết quả theo dõi hiệu quả hỗ trợ điều trị viêm da trên chó bằng lá sầu đâu

Tỷ lệ khỏi bệnh theo phác đồ điều trị

Kết quả ở Bảng 11 cho thấy tỷ lệ khỏi bệnh ở phác đồ 2 (78,57%) cao hơn so với phác đồ 1 (57,14%). Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai phác đồ chưa đạt ý nghĩa thống kê (P > 0.05), cho thấy trong phạm vi nghiên cứu chưa ghi nhận sự khác biệt rõ ràng về tỷ lệ khỏi bệnh giữa hai nhóm.

Trong thực hành lâm sàng thú y, điều trị viêm da thường không chỉ phụ thuộc vào một yếu tố đơn lẻ mà là sự phối hợp nhiều biện pháp. Theo Miller et al. (2013), đối với các trường hợp viêm da liên quan đến vi khuẩn như *Staphylococcus* spp., việc kết hợp điều trị toàn thân với chăm sóc tại chỗ đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát bệnh. Điều này có thể lý giải vì sao cả hai phác đồ trong nghiên cứu đều ghi nhận tỷ lệ cải thiện nhất định.

Bảng 11. Kết quả khỏi bệnh viêm da trên chó theo phác đồ điều trị

Phác đồ	Số ca điều trị (con)	Số ca khỏi bệnh (con)	Số ca thuyên giảm (con)	Số ca không khỏi (con)	Tỷ lệ khỏi bệnh (%)
1	14	8	3	3	57,14
2	14	11	2	1	78,57
					P>0,434
Tổng	28	19	5	4	67,86

Kết quả này tương tự với các nghiên cứu trước đây, trong đó hiệu quả điều trị viêm da thường phụ thuộc vào sự kết hợp nhiều biện pháp điều trị. Theo Miller et al. (2013), việc điều trị các bệnh viêm da do vi khuẩn như *Staphylococcus* spp. thường cần phối hợp giữa kháng sinh toàn thân và các biện pháp chăm sóc tại chỗ để đạt hiệu quả tối ưu. Đối với việc sử dụng lá sầu đâu (*Azadirachta indica*), các nghiên cứu đã ghi nhận các đặc tính sinh học liên quan đến điều trị bệnh da. Alzohairy (2016) cho thấy chiết xuất từ sầu đâu có hoạt tính kháng khuẩn, kháng viêm, hỗ trợ làm lành tổn thương da và có khả năng ức chế vi khuẩn và hỗ trợ phục hồi mô trong các nghiên cứu thực nghiệm.

Tuy nhiên, do số liệu được ghi nhận sau 14 ngày điều trị, nên chủ yếu phản ánh kết quả điều trị trong giai đoạn ngắn hạn. Theo Moriello (2017), quá trình phục hồi các bệnh da có thể kéo dài và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ tổn thương và đáp ứng điều trị của từng cá thể. Do đó, cần có thêm các nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn và thời gian theo dõi dài hơn để đánh giá đầy đủ hơn hiệu quả của các phác đồ điều trị.

Mặc dù chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ khỏi bệnh, kết quả này khi xem xét cùng với các chỉ tiêu khác như thời gian cải thiện và mức độ giảm triệu chứng có thể giúp làm rõ hơn xu hướng đáp ứng điều trị giữa hai phác đồ.

Kết quả điều trị theo thời gian cải thiện triệu chứng của các phác đồ

Kết quả ở Bảng 12 cho thấy thời gian cải thiện triệu chứng ở phác đồ 2 (6,7 ± 1,1 ngày) ngắn hơn so với phác đồ 1 (8,1 ± 1,5 ngày), và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (P < 0,05). Điều này cho thấy có sự khác biệt về tốc độ đáp

ứng điều trị giữa hai phác đồ trong điều kiện khảo sát.

Bảng 12. Thời gian cải thiện triệu chứng theo phác đồ

Phác đồ	Số ca điều trị (con)	Thời gian cải thiện (ngày, $\bar{X} \pm SD$)	P-value
Phác đồ 1	14	$8,1 \pm 1,5^a$	
Phác đồ 2	14	$6,7 \pm 1,1^b$	*P < 0,05*

Thời gian đáp ứng điều trị thường được xem là một chỉ tiêu phản ánh hiệu quả can thiệp, theo Miller et al. (2013), việc kiểm soát tốt tình trạng viêm và nhiễm khuẩn tại chỗ có thể góp phần rút ngắn thời gian phục hồi ở các trường hợp viêm da trên chó. Kết quả thu được chủ yếu phản ánh thời gian cải thiện trong giai đoạn theo dõi 14 ngày, theo Olivry et al. (2015), diễn biến của các bệnh da có thể thay đổi theo thời gian và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Do đó, thời gian cải thiện triệu chứng có thể được sử dụng như một chỉ tiêu tham khảo trong đánh giá hiệu quả điều trị trong giai đoạn theo dõi. Kết quả này, khi kết hợp với các chỉ tiêu lâm sàng khác, sẽ góp phần làm rõ hơn về hiệu quả của phác đồ.

Kết quả hỗ trợ điều trị



Hình 1. Trước và sau hỗ trợ điều trị bằng dịch chiết lá sầu đâu.



Hình 2. Trước và sau hỗ trợ điều trị bằng cao chiết lá sầu đâu.

Mức độ cải thiện các triệu chứng lâm sàng theo phác đồ

Kết quả ở Bảng 13 cho thấy tỷ lệ cải thiện các triệu chứng lâm sàng ở phác đồ 2 cao hơn so với phác đồ 1 ở tất cả các chỉ tiêu theo dõi, bao gồm các triệu chứng viêm như ngứa, viêm đỏ, tiết dịch cũng như các dấu hiệu phục hồi như mọc lông và cải thiện thể trạng chung.

Bảng 13. Mức độ cải thiện lâm sàng sau 14 ngày

Chỉ tiêu	Phác đồ 1		Phác đồ 2	
	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Giảm ngứa rõ	9	64,29	12	85,71
Giảm viêm đỏ	10	71,43	12	85,71
Giảm mủ/tiết dịch	8	57,14	11	78,57
Mọc lông lại	7	50,00	10	71,43
Cải thiện thể trạng chung ăn uống, hoạt động,...)	10	71,43	12	85,71

Trong các bệnh viêm da, các triệu chứng lâm sàng thường phản ánh mức độ hoạt động của phản ứng viêm tại da. Theo Miller et al. (2013), việc cải thiện các triệu chứng này là mục tiêu quan trọng trong điều trị nhằm phục hồi tổn thương và cải thiện tình trạng lâm sàng của vật nuôi. Việc ghi nhận sự cải thiện đồng thời ở nhiều triệu chứng trong nghiên cứu có thể cho thấy đáp ứng điều trị trong giai đoạn theo dõi.

Các nghiên cứu về *Azadirachta indica* cũng cho thấy chiết xuất từ sầu đâu có thể có hoạt tính

kháng khuẩn và hỗ trợ phục hồi mô trong điều kiện thực nghiệm (Subapriya & Nagini, 2005; Alzohairy, 2016). Tuy nhiên, các kết quả trong bảng chủ yếu được trình bày dưới dạng tỷ lệ phần trăm nhằm mô tả xu hướng thay đổi giữa các phác đồ và chưa tiến hành kiểm định thống kê riêng cho từng chỉ tiêu. Khi xem xét cùng với các kết quả về tỷ lệ khỏi bệnh và thời gian cải thiện, có thể nhận thấy phác đồ 2 cải thiện triệu chứng nhanh hơn, trong khi sự khác biệt về tỷ lệ khỏi bệnh chưa thể hiện rõ về mặt thống kê trong phạm vi nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác định tỷ lệ chó mắc bệnh viêm da tại Bệnh xá Thú y – Trường Đại học Cửu Long là 23,33% (28/120 con). Nguyên nhân gây bệnh chủ yếu là vi khuẩn, tiếp theo là nấm, ngoại ký sinh và các nguyên nhân khác.

Trong đánh giá hiệu quả điều trị, phác đồ có sử dụng lá sầu đâu ghi nhận thời gian cải thiện triệu chứng ngắn hơn ($P < 0,05$) và có xu hướng cải thiện triệu chứng lâm sàng tốt hơn so với phác đồ đối chứng. Tuy nhiên, sự khác biệt về tỷ lệ khỏi bệnh chưa có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$).

Cần thực hiện các nghiên cứu tiếp theo với cỡ mẫu lớn hơn, thời gian theo dõi dài hơn và áp dụng các kỹ thuật chẩn đoán chuyên sâu như nuôi cấy vi khuẩn, xét nghiệm sinh học phân tử hoặc kháng sinh đồ nhằm đánh giá toàn diện hơn hiệu quả hỗ trợ điều trị viêm da của lá sầu đâu trên chó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alzohairy, M. A. (2016). Therapeutics role of *Azadirachta indica* (Neem) and their active constituents in diseases prevention and treatment. *Evidence-Based Complementary and Alternative Medicine*, *2016*, Article 7382506. https://doi.org/10.1155/2016/7382506

Anh, N. T. L., Loan, N. V. T. H., & cộng sự. (2024). Khảo sát sự hiện diện và định danh vi khuẩn *Staphylococcus* spp. trên chó viêm da tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, *60*(4), 129–137.

Bannoehr, J., & Guardabassi, L. (2012). *Staphylococcus pseudintermedius* in the dog: Taxonomy, diagnostics, ecology, epidemiology and pathogenicity. *Veterinary Dermatology*, *23*(4), 253–266. https://doi.org/10.1111/j.1365-3164.2012.01046.x

Dương, H. T., Kiều, N. K. T., & cộng sự. (2022). Đánh giá hoạt tính sinh học của cao chiết lá trầu không (*Piper betle* L.) thu nhận bằng phương pháp chiết siêu âm. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, *64*(3), 37–42. https://doi.org/10.31276/vjst.64(3).37-42

Dworecka-Kaszak, B., Biegańska, M. J., & Dąbrowska, I. (2020). Occurrence of various pathogenic and opportunistic fungi in skin diseases of domestic animals: A retrospective study. *BMC Veterinary Research*, *16*(1), Article 246. https://doi.org/10.1186/s12917-020-02460-x

Hào, T. Đ. (2024). *Khảo sát một số bệnh viêm da trên chó tại bệnh xá thú y Trường Đại học Cần Thơ* [Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Cần Thơ].

Hensel, P., Santoro, D., Favrot, C., Hill, P., & Griffin, C. (2015). Canine atopic dermatitis: Detailed guidelines for diagnosis and allergen identification. *BMC Veterinary Research*, *11*(1), Article 196. https://doi.org/10.1186/s12917-015-0515-5

Hoa, T. T., Hà, T. N., & cộng sự. (2022). Mức độ nhiễm và hiệu quả của dịch chiết cây sầu đâu (*Azadirachta indica*) đối với rận cá *Caligus* spp. trên cá dìa (*Siganus guttatus*). *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, *131*(3B), 5–14.

Kha, P. V., & Lạn, P. (1996). *Ký sinh trùng thú y*. Nxb Nông nghiệp.

Kỳ, L. T. L., & Hương, H. T. P. (2012). Khảo sát sự lưu hành của một số loài nấm gây bệnh trên lông da chó tại tỉnh Sóc Trăng và thử nghiệm thuốc điều trị. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (22c), 47–56.

Miller, W. H., Griffin, C. E., & Campbell, K. L. (2013). *Muller and Kirk's small animal dermatology* (In lần thứ 7). Saunders.

Moriello, K. A., Coyner, K., Paterson, S., & Mignon, B. (2017). Diagnosis and treatment of dermatophytosis in dogs and cats: Clinical consensus guidelines of the World Association for Veterinary Dermatology. *Veterinary Dermatology*, *28*(3), 253–e56. https://doi.org/10.1111/vde.12440

Mỹ, N. T. Y. (2022). *Nghiên cứu tình hình bệnh viêm da trên chó và đánh giá hiệu quả điều trị tại phòng mạch thú y Drong Vet, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai* [Khóa luận tốt nghiệp đại học].

Olivry, T., DeBoer, D. J., Favrot, C., Jackson, H. A., Mueller, R. S., Nuttall, T., & Prelaud, P. (2010).

Treatment of canine atopic dermatitis: 2010 clinical practice guidelines from the International Task Force on Canine Atopic Dermatitis. *Veterinary Dermatology*, *21*(5), 483–495. https://doi.org/10.1111/j.1365-3164.2010.00889.x

Phương, P. T. H., Trung, T. N., & Thủy, N. T. A. (2019). Một số đặc điểm dịch tễ bệnh do *Demodex canis* gây ra ở chó nghiệp vụ nuôi tại Trường Trung cấp 24 Biên phòng và phác đồ điều trị. *TNU Journal of Science and Technology*, *220*(4), 129–133.

Scott, D. W., Miller, W. H., & Griffin, C. E. (2001). *Muller & Kirk's small animal dermatology* (In lần thứ 6). Saunders. https://doi.org/10.1016/B978-0-7216-7618-0.50005-5

Seol, R., Yoo, J. C., Park, J., Lee, H. S., Kim, Y. J., & Kim, D. H. (2021). Antimicrobial resistance of *Staphylococcus pseudintermedius* isolated from dogs with pyoderma. *BMC Veterinary Research*, *17*(1), 1–9. https://doi.org/10.1186/s12917-021-02800-x

Subapriya, R., & Nagini, S. (2005). Medicinal properties of neem leaves: A review. *Current Medicinal Chemistry - Anti-Cancer Agents*, *5*(2), 149–156. https://doi.org/10.2174/1568011053174828

Thương, N. H. B., & Huấn, N. H. (2014). Tình hình nhiễm ngoại ký sinh trùng trên chó tại thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (30), 69–73.

Hùng, V. T. (2021). *Thực trạng nhiễm ghẻ và đáp ứng phòng trị bệnh ngoài da cho chó tại Phòng khám Thú y Võ Hoàng An* [Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên].

Vũ, P. T., Tuệ, N. T., & cộng sự. (2018). Khảo sát nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của cao thô chiết xuất từ một số thảo dược đối với *Escherichia coli*, *Salmonella* Typhimurium và *Staphylococcus aureus*. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển*, *17*(4), 31–38.